

**BÁO CÁO**

**Sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm  
và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2013**  
*(Từ ngày 01/10/2012 đến 31/3/2013)*

Năm 2013, tỉnh Hưng Yên triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của suy thoái, nhất là khu vực đồng Euro và hầu hết các nước trong khu vực. Thị trường tiêu thụ hàng hóa thu hẹp, nhu cầu tiêu dùng giảm sút dẫn đến sự trì trệ của nhiều nền kinh tế lớn. Ở trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; hàng tồn kho vẫn còn cao; tình trạng nợ xấu chưa được giải quyết... đã tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I năm 2013 tiếp tục được duy trì và phát triển. Tổng sản phẩm (GDP) tăng 7,5% (kế hoạch cả năm 8-8,5%); giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,97% (kế hoạch cả năm 1-1,5%); chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,7% (kế hoạch cả năm 11-12%); giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 9,95% (kế hoạch cả năm 13-14%); tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 4.039 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng 11,84%; kim ngạch xuất khẩu đạt 303 triệu USD (đạt 24,22% KH), thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 1.320 tỷ đồng (đạt 24,35% KH). Các lĩnh vực văn hoá, xã hội được duy trì; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Ngành Tư pháp Hưng Yên đã góp phần quan trọng vào thành tựu kinh tế - xã hội, triển khai tích cực các mặt công tác như: Xây dựng, thẩm định văn bản; kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; hành chính và hỗ trợ tư pháp... Đặc biệt Ngành đã thực hiện tốt nhiệm vụ là Cơ quan thường trực của Tổ giúp việc giúp Thường trực HĐND, UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2012, 6 tháng đầu năm 2013 hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp tiếp tục được đổi mới và có tác động tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ngành. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và Chương trình

công tác năm 2013 của Bộ Tư pháp, dựn Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác tư pháp năm 2013 của Ngành Tư pháp Hưng Yên với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể; đồng thời chỉ đạo Sở Tư pháp, các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, thời gian quy định.

Chỉ đạo Sở Tư pháp duy trì và tổ chức các cuộc họp giao ban quý, 6 tháng, kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Với sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh cùng với sự cố gắng của toàn thể công chức, viên chức trong toàn Ngành Tư pháp đã góp phần đảm bảo cho hoạt động của Ngành được thông suốt và hiệu quả, thể hiện rõ được vai trò tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền cùng cấp trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

## **2. Quản lý nhà nước về xây dựng và thi hành pháp luật:**

- Thực hiện Kế hoạch của Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Chính phủ, HĐND tỉnh Hưng Yên và hướng dẫn của Bộ Tư pháp về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, UBND tỉnh đã thành lập Tổ giúp việc thường trực HĐND - UBND tỉnh và giao Sở Tư pháp là Cơ quan thường trực Tổ giúp việc giúp Thường trực HĐND, UBND tỉnh; trực tiếp tiếp nhận các ý kiến tham gia, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Theo báo cáo tổng hợp, tỉnh Hưng Yên có 115.000 ý kiến tham gia về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (*không kể số ý kiến tổng hợp theo Kế hoạch của UBMTTQ tỉnh*), trong đó có 7.768 ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp. Nhìn chung các ý kiến đều cho rằng Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã thể chế hoá quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (*bổ sung, phát triển năm 2011*) và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 về Chương trình xây dựng văn bản QPPL của tỉnh năm 2013. Giao Sở Tư pháp hướng dẫn và đôn đốc các cấp, các ngành triển khai thực hiện thống nhất trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL của HĐND, UBND theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

- Sáu tháng đầu năm 2013, Sở Tư pháp đã thẩm định 08 dự thảo văn bản QPPL, tham gia ý kiến vào 30 dự thảo văn bản; 10 Phòng Tư pháp huyện, thành phố đã thẩm định 107 dự thảo văn bản QPPL, tham gia ý kiến vào hầu hết các dự thảo văn bản của cơ quan chuyên môn trước khi trình HĐND, UBND cùng cấp ban hành; HĐND, UBND các cấp đã ban hành 823 văn bản QPPL, trong đó cấp tỉnh 22 văn bản, cấp huyện 156 văn bản và cấp xã 645 văn bản.

- Công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL từ cấp tỉnh đến cấp xã được thực hiện có nề nếp. Sáu tháng đầu năm Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tiến hành tự kiểm tra 06 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, tổ chức kiểm tra 130 văn bản, trong đó xác định được 62 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành; 10 Phòng Tư pháp huyện, thành phố đã tiến hành tự kiểm tra 156 văn bản, kiểm tra 518 văn bản do

HĐND, UBND cấp xã ban hành. Sở Tư pháp tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Sở Tư pháp đã hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành từ năm 1997 - 2010 theo Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 16/3/2011 của UBND tỉnh; đồng thời trình Thường trực HĐND, UBND tỉnh ban hành quyết định công bố 236 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành, công bố 447 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành. Hoàn thành việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (*định kỳ hàng năm*) do HĐND, UBND tỉnh ban hành từ ngày 01/7/2011 đến 30/6/2012, qua rà soát 889 văn bản đã xác định được 42 văn bản QPPL, đồng thời trình Thường trực HĐND, UBND tỉnh công bố kết quả rà soát.

- Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ, ngày 11/01/2013 UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND về thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đến nay các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện trong ngành, địa phương mình. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 21/9/2012 của UBND tỉnh về theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật, trong xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước trên địa bàn tỉnh, nhiều sở, ngành, UBND huyện, thành phố đã có báo cáo gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, đảm bảo thời gian quy định.

### **3. Quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật:**

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai tích cực ở các cấp, các ngành, nhất là cấp cơ sở; nhiều văn bản pháp luật được tuyên truyền trên diện rộng, tập trung phổ biến những nội dung quan trọng, thiết thực; hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp với các đối tượng. Công tác hòa giải ở cơ sở được củng cố về tổ chức và duy trì hoạt động. Hiện nay toàn tỉnh có 1.062 tổ hòa giải với 6.889 hòa giải viên, 6 tháng đầu năm 2013 các tổ hoà giải đã hòa giải thành 703/1.033 vụ, đạt 71%. Tủ sách pháp luật ở các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục được duy trì và bổ sung nhiều đầu sách mới.

- Thực hiện Đề án “*Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước*” của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp chủ trì tổ chức tập huấn đội ngũ công chức làm công tác pháp chế sở, ngành, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình “*Ngày pháp luật*”, qua đó đã tuyên truyền, phổ biến kịp thời hàng trăm văn bản của Đảng và Nhà nước mới được ban hành đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/9/2012 về việc triển khai thực hiện Luật PBGDPL

trên địa bàn tỉnh. Theo đó UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị tập trung tuyên truyền Luật PBGDPL và các văn bản QPPL khác đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp tiến hành tổng kết việc thực hiện Đề án “*Tăng cường công tác PBGDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên*” năm 2012 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá về thực trạng tài liệu PBGDPL, tài liệu tham khảo phục vụ dạy và học pháp luật, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng Tủ sách pháp luật trong các trường trung học theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; báo cáo kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; báo cáo kết quả 5 năm (2008-2012) triển khai thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2013 về PBGDPL trên địa bàn tỉnh năm 2013, trên cơ sở đó Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc tuyên truyền pháp luật trên diện rộng với nhiều hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp với nhiều đối tượng. Kết quả các sở, ngành và 10 huyện, thành phố tổ chức được 525 cuộc tuyên truyền PBGDPL cho 32.087 lượt người.

#### **4. Quản lý nhà nước về hành chính tư pháp:**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành tổng kết công tác chứng thực, tổng kết đánh giá thực trạng tình hình quốc tịch người Hoa và tình hình con lai giữa phụ nữ Việt Nam và người Trung Quốc trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng và thời gian quy định; chỉ đạo Sở Tư pháp tham gia góp ý xây dựng Luật Chứng thực, tạo cơ sở pháp lý quan trọng, nâng cao hiệu quả công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh, kết quả cụ thể:

\* Cấp tỉnh: Thụ lý 21 hồ sơ đăng ký kết hôn, trong đó đã giải quyết 16 hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho các đối tượng, đang giải quyết 04 hồ sơ, 01 hồ sơ đương sự xin rút; thụ lý 12 hồ sơ ghi chú hộ tịch (*11 hồ sơ kết hôn, 01 hồ sơ ly hôn*), trong đó đã giải quyết 10 hồ sơ và cấp Giấy xác nhận ghi chú hộ tịch cho các đối tượng, đang giải quyết 02 hồ sơ; thụ lý, giải quyết 09 hồ sơ đăng ký khai sinh, 01 hồ sơ đăng ký khai tử, 01 hồ sơ nuôi con nuôi; tiếp nhận 1.835 yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân, trong đó đã giải quyết và cấp Phiếu cho 1.819 trường hợp (*công dân Việt Nam 1.797 trường hợp, người nước ngoài 22 trường hợp*). Việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết đảm bảo thời gian, trình tự, thủ tục theo quy định.

\* Cấp huyện, xã: Thụ lý và cấp Giấy khai sinh 15.700 trường hợp; đăng ký khai tử 3.531 trường hợp; cấp Giấy chứng nhận kết hôn 7.993 cặp; nuôi con nuôi 13 trường hợp; cải chính hộ tịch 79 trường hợp; cấp lại giấy khai sinh 222 trường hợp; chứng thực 324.318 việc, thu lệ phí 818.802.000 đồng. So với cùng kỳ năm 2012, hầu hết các vụ việc có tỷ lệ tăng, giảm không đáng kể, riêng việc đăng ký khai sinh có tỷ lệ tăng cao (*19,7%*).

## **5. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp:**

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/7/2011; tiến hành tổng kết việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh; sơ kết 02 năm, đồng thời xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 83/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh... Chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức các đoàn kiểm tra để sớm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong hành nghề luật sư, công chứng. Kết quả cụ thể:

- Về hoạt động công chứng: 02 Phòng Công chứng đã công chứng được 580 việc, thu lệ phí 335.043.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước 167.521.500 đồng; 09 Văn Phòng Công chứng đã công chứng được 8.871 việc, thu phí 2.409.393.500 đồng, nộp ngân sách nhà nước 182.364.500 đồng.

- Về đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản đã ký 54 hợp đồng bán đấu giá tài sản, đấu giá thành công 39 hợp đồng, làm lợi cho tổ chức 37.127.058.000 đồng.

- Về trợ giúp pháp lý: Đã tiến hành trợ giúp pháp lý 287 vụ việc cho 270 lượt người, có 25 trường hợp được trợ giúp viên pháp lý và luật sư bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại tòa án nhân dân 2 cấp.

- Lĩnh vực giám định tư pháp, luật sư và tư vấn pháp luật: 03 tổ chức giám định tư pháp thực hiện 246 việc, trong đó 174 vụ về hình sự, 72 vụ về pháp y; 04 văn phòng luật sư thực hiện 265 vụ việc.

## **6. Công tác pháp chế:**

Đã xây dựng Đề án kiện toàn phòng pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, do chưa có Thông tư hướng dẫn nên các sở, ngành mới chỉ phân công được công chức kiêm nhiệm làm công tác này.

## **7. Công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp:**

Thực hiện Kế hoạch số 25-KH/CCTP ngày 28/02/2013 của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo quy định.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành

chính, cải cách tư pháp phù hợp với điều kiện thực tế của Ngành và địa phương; trọng tâm là công tác cải cách thể chế trong lĩnh vực quản lý của Ngành, rà soát văn bản QPPL, rà soát thủ tục hành chính, củng cố tổ chức bộ máy, cải tiến lề lối làm việc trong các cơ quan, đơn vị do Ngành trực tiếp quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công và từng bước hiện đại hoá nền hành chính. Tiếp tục triển khai, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

#### **8. Công tác tổ chức xây dựng ngành, thi đua, khen thưởng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:**

Tiếp tục chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp, đặc biệt là công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức ngành tư pháp năm 2013; thực hiện tốt các chế độ, chính sách bảo đảm quyền lợi cho các đối tượng này. Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác tư pháp năm 2013, UBND tỉnh đã phát động và tổ chức ký kết giao ước thi đua năm 2013 trong toàn Ngành Tư pháp, kết quả nhiều tập thể, cá nhân đã hăng hái đăng ký thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

#### **9. Công tác văn phòng:**

Công tác văn phòng tiếp tục được duy trì, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và kịp thời, nhất là công tác tổng hợp, tham mưu Thủ trưởng đơn vị trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; xây dựng, theo dõi và đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, góp phần quan trọng vào việc hiện thực hoá các chủ trương, chính sách của bộ, ngành và địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp; công tác báo cáo, thống kê, đánh giá kết quả công tác tư pháp ngày càng thực chất hơn, đảm bảo thời gian quy định; công tác xây dựng và tổ chức các chương trình công tác năm, 6 tháng, quý bảo đảm tính khoa học, hợp lý; tăng cường thiết lập, duy trì và củng cố các mối quan hệ phối hợp với Bộ Tư pháp, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh trong triển khai, thực hiện công tác tư pháp tại địa phương.

#### **10. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng:**

Chỉ đạo Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2013 trong toàn Ngành; duy trì công tác tiếp dân, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo. Sáu tháng đầu năm 2013, Sở Tư pháp đã tiếp nhận và giải quyết 04 đơn khiếu nại, trong đó có 01 đơn có nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của Sở, đã được Tòa án giải quyết; đối với đơn không thuộc thẩm quyền, đã hướng dẫn cho công dân gửi đơn đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Tiến hành thanh tra 01 Văn phòng Công chứng, phát hiện vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp 9.500.000 đồng.

Ngoài ra đã chỉ đạo Ngành Tư pháp thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; vận động công chức, viên chức trong toàn Ngành tham gia ủng hộ Quỹ Vì Trường Sa thân yêu, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Nạn nhân chất độc da cam...

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được:**

Sáu tháng đầu năm 2013, Ngành Tư pháp Hưng Yên tiếp tục triển khai đồng bộ và đạt hiệu quả cao trên tất cả các lĩnh vực công tác, quản lý. Công tác xây dựng và thẩm định văn bản QPPL đã đi vào nề nếp, các văn bản thẩm định có chất lượng, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp. Thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức triển khai Kế hoạch lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Công tác rà soát, kiểm tra văn bản được tiến hành thường xuyên, kịp thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những văn bản trái pháp luật, giúp chính quyền các cấp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước tại địa phương; đặc biệt Ngành đã hoàn thành tốt đợt tổng rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh trong 16 năm kể từ khi tái lập tỉnh. Công tác PBGDPL được tăng cường và bước đầu phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến với nhân dân; công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) lưu động được đẩy mạnh, mở rộng mạng lưới các Câu lạc bộ, tổ và các Cộng tác viên TGPL tại các huyện, xã trên địa bàn toàn tỉnh; công tác hộ tịch, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, luật sư, công chứng, giám định được thực hiện đúng quy định, đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Công tác xây dựng ngành đạt kết quả tốt, tổ chức bộ máy được củng cố và duy trì ổn định từ tỉnh xuống cơ sở, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tư pháp ở địa phương được nâng cao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội tại địa phương.

### **2. Những tồn tại hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tư pháp còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập như:

- Chất lượng thẩm định, tham gia ý kiến xây dựng văn bản ở cấp huyện còn hạn chế; sự phối hợp giữa cơ quan soạn thảo với cơ quan thẩm định chưa thường xuyên, chặt chẽ; công tác kiểm tra, rà soát văn bản chưa đáp ứng yêu cầu; một số địa phương gửi văn bản để tiến hành kiểm tra chưa đảm bảo trình tự, thời hạn quy định; vẫn còn tình trạng văn bản ban hành không đúng thẩm quyền, thể thức văn bản ban hành còn sai sót, nhất là ở cấp xã;

- Một số sở, ngành, địa phương chưa chủ động trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực do ngành, đơn vị mình quản lý, văn bản có tác động nhiều và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của người dân; một số công chức làm công tác PBGDPL còn hạn chế về trình độ chuyên môn, đội ngũ báo cáo viên pháp luật còn thiếu, chất lượng

chưa đồng đều, việc tuyên truyền, PBGDPL có nơi còn hình thức, chưa tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân;

- Công tác hộ tịch ở cơ sở vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc thực hiện cải chính hộ tịch, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch vẫn còn sai sót, một số trường hợp chưa đảm bảo thời gian; thủ tục, trình tự và lưu trữ hồ sơ chứng thực ở một số huyện, xã chưa đảm bảo theo quy định; công tác quản lý hộ tịch tuy đã được UBND tỉnh trang bị máy móc, phần mềm ứng dụng nhưng việc triển khai thực hiện vẫn còn lúng túng; việc thực hiện thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực hộ tịch chưa được đẩy mạnh, nhiều sai phạm chưa được chấn chỉnh kịp thời; công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi còn hạn chế, chưa tổ chức theo dõi tốt việc nuôi dưỡng con nuôi ở nước ngoài...

- Chất lượng hoạt động của luật sư còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế, một số luật sư có biểu hiện chưa đúng đắn về tinh thần, trách nhiệm, thái độ, thậm chí vi phạm pháp luật; trình độ, năng lực của một số công chứng viên, nhất là các đối tượng được miễn tập sự hành nghề công chứng và miễn đào tạo nghề công chứng còn yếu dẫn đến sai sót; công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp mới chỉ tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động quản lý, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đội ngũ giám định viên tư pháp thiếu trong nhiều lĩnh vực;

- Việc kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa có chuyển biến tích cực, việc bố trí công chức làm công tác này còn chậm; số lượng, chất lượng đội ngũ công chức Ngành Tư pháp nhìn chung chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ; đội ngũ công chức tư pháp cấp huyện, xã còn hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cơ cấu chưa hợp lý; chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức của Ngành chưa khuyến khích, thu hút được tài năng; đời sống vật chất của công chức, viên chức trong Ngành còn nhiều khó khăn, trong năm 2010, 2011 một số công chức, viên chức đã xin ra khỏi Ngành.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013**

#### **1. Quản lý nhà nước về xây dựng và thi hành pháp luật:**

Chỉ đạo sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản, đặc biệt coi trọng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và công tác theo dõi thi hành pháp luật ở địa phương; hoàn thiện và ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL của tỉnh năm 2013.

#### **2. Quản lý nhà nước về PBGDPL và trợ giúp pháp lý:**

Tăng cường công tác PBGDPL ở các cấp, các ngành, nhất là cấp cơ sở; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với mọi tầng lớp, đối tượng; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch đã được ban hành như: Kế hoạch triển khai thực hiện Luật PBGDPL trên địa bàn tỉnh, Kế



hoạch triển khai chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XI), Kế hoạch triển khai Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2016...; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình “Ngày pháp luật” ở các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch nhằm kịp thời tuyên truyền các quy định mới ban hành của Đảng, Nhà nước; nâng cao chất lượng hòa giải cơ sở; tăng cường trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, lưu động và mở rộng, nâng cao chất lượng câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại cơ sở.

### **3. Quản lý nhà nước về hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp:**

Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Lý lịch tư pháp, Luật Nuôi con nuôi, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản, Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm; triển khai có hiệu quả Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; tăng cường ứng dụng phần mềm quản lý hộ tịch; tiếp tục thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của các Văn phòng luật sư, Văn phòng Công chứng, hoạt động chứng thực của UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, kịp thời xử lý, chấn chỉnh những sai phạm.

### **4. Công tác xây dựng ngành, đào tạo và thi đua khen thưởng:**

Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc việc kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan tư pháp địa phương, pháp chế sở, ngành, đặc biệt là kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh.

Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc chuyển giao nhiệm vụ, bộ máy tổ chức làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính từ Văn phòng UBND tỉnh về Sở Tư pháp ngay sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

## **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Tư pháp cấp xã thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV; sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định chức năng quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự của Sở Tư pháp (*thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp, chính sách...*); chế độ chính sách đặc thù đối với người làm công tác xây dựng, thẩm định văn bản, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL về quyền lợi và trách nhiệm.

2. Cùng với việc hoàn thiện phần mềm quản lý lý lịch tư pháp thực hiện thống nhất trong toàn quốc, đề nghị Bộ quan tâm đầu tư xây dựng phần mềm quản lý công chứng (*nhất là việc kết nối giữa cơ quan hỗ trợ tư pháp với các Phòng công chứng, Văn phòng công chứng, các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và các tổ chức tín dụng để hạn chế những rủi ro, thất thoát về tài sản*).

3. Đề nghị sớm ban hành văn bản quy định chi tiết thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức pháp chế sở, ngành và các văn bản hướng dẫn Luật Giám định tư pháp, Luật Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm tạo điều kiện cho Lãnh đạo Sở Tư pháp các địa phương được tham dự các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức theo chương trình hợp tác pháp luật với nước ngoài; tạo điều kiện để Sở Tư pháp được tham gia các đề tài, đề án, các nghiên cứu khoa học của Bộ thực hiện tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo. *Ch*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC<sup>NH</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Xuân Thơi*  
**Nguyễn Xuân Thơi**

**TÌNH HÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/12/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Văn bản

Đơn vị/người được giao chủ trì soạn thảo	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được giao chủ trì soạn thảo	Chia ra				Tổng số VBQPPL được giao chủ trì soạn thảo đã được ban hành	Chia ra		
		Nghị quyết của HDND	Quyết định của UBND	Chỉ thị của UBND	Tổng số		Nghị quyết của HDND	Quyết định của UBND	Chỉ thị của UBND
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<b>Tổng số</b>	<b>830</b>	<b>322</b>	<b>477</b>	<b>31</b>	<b>823</b>	<b>323</b>	<b>470</b>	<b>30</b>	
1 Tổng số tại cấp tỉnh	29	11	17	1	22	12	10	0	
- Sở Tư pháp	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Các Sở, ban, ngành khác	29	11	17	1	22	12	10	0	
2 Tổng số tại cấp huyện	156	41	99	16	156	41	99	16	
- Các Phòng Tư pháp	12	5	5	2	12	5	5	2	
- Các phòng, ban khác	144	36	94	14	144	36	94	14	
3 Tổng số tại cấp xã	645	270	361	14	645	270	361	14	
- Cán bộ tư pháp xã	133	41	91	1	133	41	91	1	
- Cán bộ cấp xã khác	512	229	270	13	512	229	270	13	

*Handwritten signature*

Biểu số 02b/BTP/VĐC/TĐVB

**SỞ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LỆT DO CƠ QUAN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THẨM ĐỊNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

	Tổng số	Chia ra		
		Chủ trì thẩm định có sự tham gia của các luật gia, chuyên gia	Phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác thẩm định	Tự thẩm định
A	(1)	(2)	(3)	(4)
<b>Tổng số</b>	<b>115</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>109</b>
<b>I. Số văn bản do Sở Tư pháp thẩm định</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
- Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	2	0	0	2
- Quyết định của UBND cấp tỉnh	5	0	0	5
- Chỉ thị của UBND cấp tỉnh	1		0	1
<b>II. Số văn bản do Phòng Tư pháp cấp huyện thẩm định</b>	<b>107</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>101</b>
- Quyết định của UBND cấp huyện	99	0	2	97
- Chỉ thị của UBND cấp huyện	8	1	3	4

*Handwritten signature*

Biểu số: 5c/BTP/KT-VB/RSVB  
**SỞ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LƯẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số **52/BC-UBND** ngày **03** tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Văn bản

TỔNG SỐ	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được rà soát	Chia ra		Tổng	Số VBQPPL kiến nghị sau rà soát	
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực		Chia ra	Chia ra
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)
1. Tại UBND tỉnh	502	486	16	228	228	0
2. Tại UBND cấp huyện	643	581	62	41	19	22
1. Huyện Khoái Châu	12	12	0	0	0	0
2. Huyện Yên Mỹ	164	155	9	2	1	1
3. Huyện Mỹ Hào	131	102	29	16	16	0
4. Huyện Văn Lâm	124	101	23	23	2	21
5. Huyện Văn Giang	26	26	0	0	0	0
6. Huyện Ân Thi	49	49	0	0	0	0
7. Huyện Phù Cừ	27	27	0	0	0	0
8. Huyện Tiên Lữ	49	49	0	0	0	0
9. Huyện Kim Động	19	19	0	0	0	0
10. Thành phố Hưng Yên	42	41	1	0	0	0
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1145</b>	<b>1067</b>	<b>78</b>	<b>269</b>	<b>247</b>	<b>22</b>

**SỐ VĂN BẢN ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TRA, XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Biểu số: 04b/BTP/KT-VB/KTTQ

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

A	Số văn bản (VB) đã tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền (ĐV tính: Văn bản)			Số VB đã kiểm tra (ĐV tính: Văn bản)			Số VB phát hiện trái pháp luật (ĐV tính: Văn bản)			Số nội dung trái pháp luật của các VBQPPL đã được phát hiện trái pháp luật (ĐV tính: nội dung)					Số VB phát hiện trái pháp luật được xử lý (ĐV tính: Văn bản)			
	Tổng số	Chia ra VB QPPL	VB không phải là VBQPPL	Tổng số	Chia ra VB QPPL	VB không phải là VBQPPL	Tổng số	Chia ra VB QPPL trái pháp luật	VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL	Tổng số	Chia ra Căn cứ pháp lý	Thẩm quyền ban hành	Nội dung	Trình tự thủ tục	Thẻ thực ký thuật trình bày	Tổng số	Chia ra Đã xử lý	Đang xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>648</b>	<b>273</b>	<b>375</b>	<b>425</b>	<b>261</b>	<b>164</b>	<b>59</b>	<b>58</b>	<b>1</b>	<b>58</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>53</b>	<b>58</b>	<b>3</b>	<b>55</b>
1. Tại UBND tỉnh	130	62	68	130	62	68	9	9	0	9	0	0	0	9	9	0	9	
2. Tại UBND cấp huyện	518	211	307	295	199	96	50	49	1	49	5	0	0	44	49	3	46	
Huyện Khoái Châu	223	12	211	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Yên Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Mỹ Hào	21	19	2	21	19	2	20	19	1	19	3	0	0	16	19	0	19	
Huyện Văn Lâm	96	15	81	96	15	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Văn Giang	26	26	0	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Ân Thi	49	49	0	49	49	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Phù Cừ	20	7	13	20	7	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Huyện Tiên Lữ	29	29	0	29	29	0	27	27	0	27	2	0	0	25	27	0	27	
Huyện Kim Động	19	19	0	19	19	0	3	3	0	3	0	0	0	3	3	3	0	
Thành phố Hưng Yên	35	35	0	35	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

*Đã*

Biểu số: 06d/BTP/PBGDPL/HGCS  
**TỜ CHỨC CỦA TÒ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Số thôn, phố và tương đương (Thôn, tổ)	Số tổ hòa giải (Tổ)	Tờ viên Tờ hòa giải (Người)													Bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, kiến thức pháp luật							
			Chia theo thành phần Tờ hòa giải								Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc					Chia theo trình độ chuyên môn					
			Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố và tương đương	Bí thư Chi bộ	Cán bộ Mặt trận và các tổ chức thành viên	Già làng, chức sắc tôn giáo	Thành phần khác	Nam	Nữ	Kinh	Khác	Tổng số chuyên môn Luật	Chia ra					Khác	Chưa qua đào tạo	viên tờ hòa giải được bồi dưỡng (Luật người)	viên tờ hòa giải được bồi dưỡng (Luật người)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)				
Tổng số trên địa bàn tỉnh	1062	1062	6889	855	734	2795	92	2413	4442	2447	6889	0	197	152	45	0	1928	3216	2492	2839			
Huyện Khoái Châu	152	152	917	126	113	541	9	128	614	303	917	0	36	32	4	0	829	218	179	0			
Huyện Yên Mỹ	106	106	707	61	55	105	7	479	286	421	707	0	24	11	13	0	86	251	235	99			
Huyện Mỹ Hào	77	77	503	77	72	162	3	189	370	133	503	0	5	4	1	0	32	466	206	297			
Huyện Văn Lâm	103	103	566	79	23	0	0	464	473	93	566	0	0	0	0	0	102	0	0	100			
Huyện Văn Giang	103	103	500	87	42	260	0	111	399	101	500	0	11	10	1	0	99	526	29	607			
Huyện Ân Thi	159	159	1069	122	130	430	29	358	667	402	1069	0	21	21	0	0	11	258	222	806			
Huyện Phù Cừ	62	62	455	57	57	242	0	99	255	200	455	0	15	10	5	0	310	130	280	175			
Huyện Tiên Lữ	118	118	895	87	74	307	16	411	462	433	895	0	38	31	7	0	247	407	196	497			
Huyện Kim Động	112	112	847	92	116	571	10	58	617	230	847	0	15	11	4	0	99	651	871	119			
TP Hưng Yên	70	70	430	67	52	177	18	116	299	131	430	0	32	22	10	0	113	309	274	139			

Biểu số: 074/BTP/PBGDPL/HGCS

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Từ 1/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải	Chia theo lĩnh vực pháp luật					Tổng số vụ việc hòa giải thành	Chia theo kết quả hòa giải					Số vụ việc hòa giải không thành	Số vụ việc đang hòa giải
		Dân sự	Hôn nhân và gia đình	Đất đai	Môi trường	Lĩnh vực khác		Dân sự	Hôn nhân và gia đình	Đất đai	Môi trường	Lĩnh vực khác		
4	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>Tổng số</b>	<b>1033</b>	<b>237</b>	<b>309</b>	<b>323</b>	<b>49</b>	<b>115</b>	<b>703</b>	<b>183</b>	<b>188</b>	<b>228</b>	<b>35</b>	<b>69</b>	<b>213</b>	<b>126</b>
Huyện Khoái Châu	96	21	48	26	0	1	66	17	29	20	0	0	20	10
Huyện Yên Mỹ	160	50	35	30	25	20	92	33	20	18	17	4	56	20
Huyện Mỹ Hào	99	3	46	43	4	3	64	1	24	34	3	2	22	13
Huyện Văn Lâm	116	42	41	33	0	0	38	18	13	7	0	0	39	39
Huyện Văn Giang	35	0	16	19	0	0	14	0	4	10	0	0	15	6
Huyện Ân Thi	125	22	32	48	4	19	102	21	21	39	3	18	20	3
Huyện Phù Cù	67	20	20	15	2	10	57	18	18	12	0	9	2	8
Huyện Tiên Lữ	113	36	33	31	2	11	92	32	27	22	2	9	15	6
Huyện Kim Động	125	23	26	34	8	34	95	23	20	25	6	21	16	12
TP Hưng Yên	97	20	12	44	4	17	83	20	12	41	4	6	8	9



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỎ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A	Hình thức tuyên truyền pháp luật (TTPPL)														Số lượng tài liệu TTPPL được phát hành miễn phí (Bản)			
	Tuyên truyền (TT) miệng pháp luật (PL)	Số lượng chuyên trang, chuyên mục TTPPL trên báo, tạp chí, đài phát thanh-truyền hình cấp tỉnh (Chuyên mục)	Số chương trình TTPPL được thực hiện trên đài truyền thanh cấp huyện (Chương trình)	Số chương trình TTPPL được thực hiện trên hệ thống truyền thanh cấp xã (Chương trình)	Thi tìm hiểu PL	Câu lạc bộ PL	Tủ sách PL ở cơ quan, đơn vị	Số lượng tài liệu TTPPL được phát hành miễn phí (Bản)	Sách	Bảng-dia hình, băng-dĩa tiếng	Tài liệu khác							
Tổng số trên địa bàn tỉnh	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1. Kết quả PBGDPL tại Sở Tư pháp	11	670	3	0	0	0	0	2	32	0	0	1	1.224	3.100	0	3.100	0	0
2. Kết quả PBGDPL tại địa bàn huyện	438	29.485	0	841	17.127	91	1.883	136	4.479	316	16.371	252	1.747	10.791	6.349	1.483	103	2.856
Huyện Khoái Châu	76	2.200	0	35	100	50	16	16	897	55	290	7	109	232	152	0	60	20
Huyện Yên Mỹ	49	1.557	0	280	14.934	11	457	30	1.187	123	2.926	186	120	479	132	342	5	0
Huyện Mỹ Hào	65	3.196	0	65	449	7	427	12	499	13	1.610	2	42	938	560	270	16	92
Huyện Văn Lâm	13	1.640	0	15	102	2	100	0	0	11	940	0	14	3.226	3.150	0	0	76
Huyện Văn Giang	10	1.305	0	9	33	2	180	3	97	12	141	14	115	20	0	15	2	3
Huyện Ân Thi	61	4.976	0	1	307	3	195	30	604	21	2.087	14	600	849	440	280	10	119
Huyện Phù Cù	6	800	0	30	100	3	100	4	45	14	5.000	12	200	20	0	16	0	4
Huyện Tiên Lữ	31	3.881	0	28	433	1	12	4	94	30	1.679	1	30	765	275	448	0	42
Huyện Kim Động	57	4.203	0	120	386	10	368	28	988	19	635	1	32	1.186	870	92	10	214
Thành phố Hưng Yên	70	5.727	0	258	283	2	28	9	68	18	1.063	15	485	3.076	770	20	0	2.286
3. Kết quả PBGDPL tại Sở, ban, ngành,	76	1.932	29	0	0	9	2.235	214	2.568	0	0	35	37.832	810.852	405.243	212.934	192.300	375

Biểu số: 08Đ/BTP/PBGDPL  
**CÁN BỘ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: người

A	Cán bộ tư pháp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật												
	Tổng số	Tổng số chuyên môn Luật	Trình độ chuyên môn			Giới tính			Dân tộc		Số tuyên truyền viên pháp luật cấp xã	Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
			Trung cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau Đại học	Khác	Nam	Nữ	Kinh	khác			
Tổng số trên địa bàn tỉnh	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Số Tư pháp	3	3	0	3	0	0	0	3	3	0	0	0	68
2. Các huyện	336	219	164	54	1	117	279	57	336	0	695	114	0
Huyện Khoái Châu	37	26	14	11	1	11	29	8	37	0	58	12	0
Huyện Yên Mỹ	61	24	16	8	0	37	48	13	61	0	56	13	0
Huyện Mỹ Hào	36	17	14	3	0	19	33	3	36	0	189	7	0
Huyện Văn Lâm	27	13	9	4	0	14	24	3	27	0	24	3	0
Huyện Văn Giang	22	17	16	1	0	5	17	5	22	0	32	9	0
Huyện Ân Thi	37	34	30	4	0	3	35	2	37	0	3	4	0
Huyện Phù Cừ	23	23	15	8	0	0	21	2	23	0	20	10	0
Huyện Tiên Lữ	20	8	6	2	0	12	18	2	20	0	126	2	0
Huyện Kim Động	44	39	31	8	0	5	36	8	44	0	121	52	0
Thành phố Hưng Yên	29	18	13	5	0	11	18	11	29	0	66	2	0

Biểu số: 10c/BTP/HCTP/CT  
**SƠ LIỆU CHỨNG THỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Số bản sao đã chứng thực (Bản sao)			Số chữ ký đã chứng thực (Chữ ký)			Tổng số lệ phí thu được (nghìn đồng)						
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Chia ra					
		Bản sao bằng tiếng Việt	Bản sao bằng tiếng nước ngoài		Chữ ký trong văn bản, giấy tờ bằng tiếng Việt	Chữ ký trong văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài	Chữ ký người dịch	Tổng số	Lệ phí chứng thực bản sao bằng tiếng Việt	Lệ phí chứng thực bản sao bằng tiếng nước ngoài	Lệ phí chứng thực chữ ký trong văn bản, giấy tờ bằng tiếng Việt	Lệ phí chứng thực chữ ký trong văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài	Lệ phí chứng thực chữ ký người dịch
4	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>Tổng số trên địa bàn tỉnh</b>	<b>324.318</b>	<b>315.479</b>	<b>8.839</b>	<b>4.840</b>	<b>4.557</b>	<b>0</b>	<b>283</b>	<b>818.802</b>	<b>750.750</b>	<b>20.042</b>	<b>45.010</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>
1. Huyện Khoái Châu	21.800	21.270	530	93	93	0	0	58.289	55.789	1.300	1.200	0	0
2. Huyện Yên Mỹ	34.084	32.255	1.829	77	75	0	2	0	0	0	0	0	0
3. Huyện Mỹ Hào	22.992	22.045	947	86	68	0	18	80.032	73.022	6.040	680	0	290
4. Huyện Văn Lâm	42.405	41.736	669	0	0	0	0	131.982	129.864	2.118	0	0	0
5. Huyện Văn Giang	29.128	29.062	66	187	187	0	0	66.014	63.960	264	1.790	0	0
6. Huyện Ân Thi	33.637	33.317	320	2.375	2.375	0	0	87.655	63.265	640	23.750	0	0
7. Huyện Phù Cừ	23.197	23.197	0	162	160	0	2	94.309	92.609	0	1.600	0	100
8. Huyện Tiên Lữ	32.845	32.691	154	22	21	0	1	64.895	64.317	358	210	0	10
9. Huyện Kim Động	47.600	46.132	1.468	1.287	1.285	0	2	108.070	92.264	2.936	12.850	0	20
10. TP Hưng Yên	36.630	33.774	2.856	551	293	0	258	127.556	115.660	6.386	2.930	0	2.580

Biểu số: 11c/BTP/HCTP/HT/KH  
**SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
 Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A	Khai sinh							Khai tử						
	Chia theo tình trạng của trẻ khai sinh				Chia theo nơi sinh			Chia theo thời điểm đăng ký		Chia theo nhóm tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký	
Tổng số	Con trong giá thú	Con ngoài giá thú	Trẻ bị bỏ rơi	Sinh ở trong nước	Sinh ở nước ngoài	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Từ 0 đến dưới 6 tuổi	Từ 6 đến dưới 16 tuổi	Từ 16 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
<b>Tổng số trên địa bàn cấp tỉnh</b>	<b>15.700</b>	<b>15.556</b>	<b>131</b>	<b>13</b>	<b>15.699</b>	<b>1</b>	<b>14.998</b>	<b>702</b>	<b>3.531</b>	<b>26</b>	<b>11</b>	<b>3.494</b>	<b>3.266</b>	<b>265</b>
- Nam	8.381	8.305	69	7	8.381	0	8.032	349	1.898	19	8	1.871	1.785	128
- Nữ	7.319	7.251	62	6	7.318	1	6.966	353	1.633	7	3	1.623	1.481	137
<b>1. Số trường hợp đăng ký của huyện Khoái Châu</b>	<b>2.416</b>	<b>2.398</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>2.416</b>	<b>0</b>	<b>2.314</b>	<b>102</b>	<b>625</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>618</b>	<b>590</b>	<b>35</b>
- Nam	1.301	1.295	6	0	1.301	0	1.250	51	341	4	2	335	324	17
- Nữ	1.115	1.103	11	1	1.115	0	1.064	51	284	0	1	283	266	18
<b>2. Số trường hợp đăng ký của huyện Yên Mỹ</b>	<b>2.099</b>	<b>2.074</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>2.098</b>	<b>1</b>	<b>2.012</b>	<b>87</b>	<b>342</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>339</b>	<b>296</b>	<b>46</b>
- Nam	1.113	1.101	12	0	1.113	0	1.069	44	181	2	0	179	163	18
- Nữ	986	973	13	0	985	1	943	43	161	0	1	160	133	28
<b>3. Số trường hợp đăng ký của huyện Mỹ Hào</b>	<b>1.474</b>	<b>1.467</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>1.474</b>	<b>0</b>	<b>1.428</b>	<b>46</b>	<b>268</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>267</b>	<b>246</b>	<b>22</b>
- Nam	766	762	4	0	766	0	745	21	152	0	1	151	142	10
- Nữ	708	705	3	0	708	0	683	25	116	0	0	116	104	12
<b>4. Số trường hợp đăng ký của huyện Văn Lâm</b>	<b>1.457</b>	<b>1.439</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	<b>1.457</b>	<b>0</b>	<b>1.317</b>	<b>140</b>	<b>272</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>268</b>	<b>238</b>	<b>34</b>
- Nam	791	779	10	2	791	0	719	72	154	2	2	150	145	17
- Nữ	666	660	6	0	666	0	598	68	118	0	0	118	93	17
<b>5. Số trường hợp đăng ký của huyện Văn Giang</b>	<b>1.324</b>	<b>1.318</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>1.324</b>	<b>0</b>	<b>1.296</b>	<b>28</b>	<b>313</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>308</b>	<b>278</b>	<b>35</b>
- Nam	710	707	3	0	710	0	697	13	172	3	0	169	152	20

- Nữ	614	611	3	0	614	0	599	15	141	1	1	139	126	15
6. Số trường hợp đăng ký của huyện Ân Thi	1.749	1.734	12	3	1.749	0	1.659	90	434	4	1	429	413	21
- Nam	939	927	9	3	939	0	898	41	233	2	1	230	215	13
- Nữ	810	807	3	0	810	0	761	49	201	2	0	199	198	8
7. Số trường hợp đăng ký của huyện Phú Cừ	910	900	10	0	910	0	870	40	246	4	0	242	236	10
- Nam	463	458	5	0	463	0	443	20	128	2	0	126	126	2
- Nữ	447	442	5	0	447	0	427	20	118	2	0	116	110	8
8. Số trường hợp đăng ký của huyện Tiên Lữ	1.427	1.415	12	0	1.427	0	1.347	80	360	0	1	359	359	10
- Nam	750	743	7	0	750	0	715	35	198	0	1	197	197	1
- Nữ	677	672	5	0	677	0	632	45	162	0	0	162	162	0
9. Số trường hợp đăng ký của huyện Kim Động	1.664	1.643	16	5	1.664	0	1.626	38	405	6	1	398	361	44
- Nam	905	896	8	1	905	0	886	19	200	4	1	195	179	21
- Nữ	759	747	8	4	759	0	740	19	205	2	0	203	182	23
10. Số trường hợp đăng ký của Thành phố Hưng Yên	1.180	1.168	10	2	1.180	0	1.129	51	266	0	0	266	249	17
- Nam	643	637	5	1	643	0	610	33	139	0	0	139	142	9
- Nữ	537	531	5	1	537	0	519	18	127	0	0	127	107	8

*Dr*

**SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ CỐ YẾU TỶ NƯỚC NGOÀI**

**TẠI SỞ TỰ PHÁP**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Biểu số: 11g/BTP/HCTP/HT/KSKT

Đơn vị tính: Trường hợp

Chia theo giới tính	Tổng số		A	(1)	(2)	(3)
	Nam	Nữ				
I. Khai sinh	9	6	3			
Chia theo quốc tịch của cha, mẹ	0					
1. Con có cha và mẹ là người nước ngoài	0	0	0			
2. Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam	9	6	3			
3. Đang ký lại việc sinh	0	0	0			
II. Khai tử	1	1	0			
1. Người nước ngoài	1	1	0			
2. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài	0	0	0			

22

**SƠ LIỆU ĐĂNG KÝ KẾT HÔN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

Biểu số: 12c/BTP/HCTP/HT/KH

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng số	Số cuộc kết hôn (cặp)		Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (tuổi)	
		Chia ra			
	(1)	(2)	(3)	(4)	
		Kết hôn lần đầu	Kết hôn lần thứ 2 trở đi	Nam	
				Nữ	
				(5)	
1. Huyện Khoái Châu	1.303	1.272	31	24	23
2. Huyện Yên Mỹ	903	859	44	22,8	20,3
3. Huyện Mỹ Hào	706	682	24	23	21
4. Huyện Văn Lâm	761	728	33	23,8	20,8
5. Huyện Văn Giang	686	669	17	24	21
6. Huyện Ân Thi	930	890	40	24	22,5
7. Huyện Phù Cù	516	498	18	23	20
8. Huyện Tiên Lữ	797	783	14	24	21
9. Huyện Kim Động	862	830	32	24	21
10. Thành phố Hưng Yên	529	507	22	26	22
<b>Tổng số trên địa bàn tỉnh</b>	<b>7.993</b>	<b>7.718</b>	<b>275</b>	<b>23,9</b>	<b>21,3</b>

Biểu số: 12d/BTP/HCTP/HT/KH

## SỞ LIỆU ĐĂNG KÝ KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI SỞ TƯ PHÁP

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Số cuộc kết hôn (cặp)																
Tổng số	Chia theo giới tính công dân VN		Chia theo kỳ kết hôn		Chia theo đối tượng kết hôn					Chia theo quốc gia/vùng lãnh thổ của một trong hai bên đăng ký kết hôn					Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)	
	Nam	Nữ	Kết hôn lần đầu	Kết hôn lần thứ 2 trở lên	Công dân VN cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Hoa kỳ	Canada	Trung quốc (Đại lục)	Trung quốc (Đài loan)	Hàn quốc	Quốc gia/vùng lãnh thổ khác	Nam	Nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	3	12	14	2	14	2	0	0	0	1	0	2	4	9	25	25

*Handwritten signature*



Biểu số: 13/BTTP/HCTP/HT/KH

**SỐ LIỆU GHI CHỮ KẾT HÔN TẠI SỞ TƯ PHÁP**  
Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Số cuộc kết hôn (cặp)														
Tổng số	Chia theo giới tính công dân VN		Chia theo kỳ kết hôn		Chia theo quốc gia/vùng lãnh thổ của một trong hai bên đăng ký kết hôn					Chia theo sự có mặt của người đăng ký kết hôn			Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)	
	Nam	Nữ	Kết hôn lần đầu	Kết hôn lần thứ 2 trở lên	Hoa kỳ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài loan)	Hàn Quốc	Quốc gia vùng lãnh thổ khác	Một bên vắng mặt khi đăng ký kết hôn	hai bên có mặt khi đăng ký kết hôn	Nam	Nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	4	6	4	6	0	0	0	0	10	0	6	4		25

Biểu số: 14a/BTP/HCTP/QT

## SỐ LIỆU THÔNG BÁO CÓ QUỐC TỊCH NGOÀI TẠI SỞ TƯ PHÁP

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: người

Số liệu thông báo có quốc tịch nước ngoài														
Chia theo hình thức có quốc tịch nước ngoài			Chia theo quốc tịch nước ngoài của người thông báo											
Tổng số	Do nhập quốc tịch	Có quốc tịch theo quyết định thống	Có quốc tịch do sinh ra	Hình thức khác	Hoa Kỳ	Anh	Pháp	Đức	Séc	Dan Mạch	Ba lan	Trung Quốc	Lào	Nước khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*(Chữ ký)*

Biểu số: 16/BTP/TLLTPQG/LTP

**SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 2/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Phiếu

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 ĐÃ CẤP										SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 ĐÃ CẤP										
Chia theo đối tượng yêu cầu cấp					Chia theo nội dung xác nhận					Chia theo đối tượng yêu cầu cấp					Chia theo nội dung xác nhận					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Chia ra		(8)	Chia ra		(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	Chia ra		(18)	Chia ra		
					Không có yêu cầu xác nhận về cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Có yêu cầu xác nhận về cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX		Không có yêu cầu xác nhận về cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Có yêu cầu xác nhận về cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX						Không bị cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX		Không bị cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cầm đảm vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	
	Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan Nhà nước, Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội	Tổng số có án tích						Tổng số	Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan tiến hành tố tụng	Tổng số đã bị kết án						
1.819	1.797	22	0	1	1	0	1.818	1.818	0	8	8	0	0	0	0	0	8	8	0	

Biểu số: 18c/BTP/HCTP/HTKH

**TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ NỮÔI CON NỮÔI TRONG NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

	Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo độ tuổi							Chia theo đối tượng trẻ em			Chia theo tình trạng sức khoẻ của trẻ em	
		Nam	Nữ	<01	01 - 04	05 - 09	10 - 15	16 - <18	Bỏ rơi	Có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận nuôi	Đối tượng khác	Bình thường	Khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo	Sức khoẻ khác	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
<b>Tổng số trên địa bàn cấp tỉnh</b>	<b>13</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1. Huyện Khoái Châu	3	2	1	2	1	0	0	0	2	1	0	3	0	0	
2. Huyện Yên Mỹ	2	2	0	0	0	1	0	1	0	1	1	2	0	0	
3. Huyện Mỹ Hào	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	
4. Huyện Văn Lâm	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	
5. Huyện Văn Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6. Huyện Ân Thi	2	2	0	1	0	1	0	0	0	1	1	2	0	0	
7. Huyện Phù Cừ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. Huyện Tiên Lữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. Huyện Kim Động	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	
10. Thành phố Hưng Yên	3	3	0	1	1	0	1	0	1	1	1	3	0	0	

Biểu số: 17/BTP/TTLLTPQG/LLTP

### SỐ NGƯỜI CÓ LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Người

Số công dân Việt Nam có Lý lịch tư pháp (LLTP)	Chia ra		Tổng số	Số người nước ngoài có LLTP	
	Nam	Nữ		Nam	Nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.835			22		

*Đ*

Biểu số: 19/BTP/CN/NN

### TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Nước, vùng lãnh thổ nhân con nuôi	Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo độ tuổi								Chia theo đối tượng trẻ em			Chia theo tình trạng sức khoẻ của trẻ em		
		Nam	Nữ	<01	01 – 04	05 – 09	10 – 15	16 – <18	Bỏ rơi	Có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận nuôi	Đối tượng khác	Bình thường	Khuyết tật, mắc bệnh hiếm nghèo	Sức khoẻ khác			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)			
Tổng số	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	0			

*Đ*

## TÌNH HÌNH TỜ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A	(1)	(2)	(3)	Số lượng việc công chứng hợp đồng (HD), giao dịch (T/đ)													(14)	(15)	(16)
				Chia ra															
	Số tờ chức hành nghề công chứng (tờ chức)	Số công chứng viên (người)	Tổng số	Công chứng HD chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	Công chứng HD mua bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản khác	Công chứng HD thuê quyền sử dụng đất, thuê tài sản	Công chứng HD vay tiền, thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, HD bảo lãnh	Công chứng di chúc và các giao dịch về thừa kế khác	Công chứng văn bản bán đấu giá bất động sản	Công chứng HD ủy quyền, giấy ủy quyền	Công chứng HD, giao dịch khác	Nhận lưu giữ di chúc	Cấp bản sao văn bản công chứng	Tổng số phí công chứng (đồng)	Tổng số thu lao công chứng, chi phí khác thu được (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc nộp thuế (đồng)			
Tổng số	11	15	9451	2004	465	34	4162	286	1	1818	658	0	23	2.744.436.500	55.342.000	349.886.000			
Phòng CC	2	3	580	28	55	3	465	8	1	14	6	0	0	335.043.000	0	167.521.500			
Văn phòng CC	9	12	8871	1976	410	31	3697	278	0	1804	652	0	23	2.409.393.500	55.342.000	182.364.500			

Biểu số: 21c/BTP/BTTP/LS

## SỐ LUẬT SƯ VÀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC LUẬT SƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Số luật sư (LS) hành nghề tại địa phương (người)	Chia ra				Số tổ chức hành nghề luật sư (TCHNLS) tại địa phương (Tổ chức)		Số Chi nhánh của TCHNLS trong nước tại địa phương (chi nhánh)	Số Văn phòng giao dịch của TCHNLS trong nước tại địa phương (văn phòng)		
	Số LS là thành viên của Đoàn LS địa phương	Chia ra		Số LS là thành viên của Đoàn LS địa phương khác làm việc tại TCHNLS	Số LS nước ngoài làm việc tại TCHNLS	Tổng số			Chia ra	
		Làm việc tại TCHNLS	Hành nghề với tư cách cá nhân						Văn phòng luật sư	Công ty luật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



Biểu số: 21/d/BTP/BTTP/LS

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG LUẬT SƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tổ chức/luật sư hành nghề với tư cách cá nhân	Số việc thực hiện (Việc)													Doanh thu		
	Tổng số	Số việc tham gia tố tụng						Số việc tư vấn pháp luật (TVPL)			Đại diện ngoài tỉnh	Dịch vụ pháp lý khác	Trợ giúp pháp lý miễn phí	(Nghìn đồng)		
		Hình sự	Dân sự và HNG D	Kinh tế, thương mại	Hành chính	Lao động	Tổng số	TVPL thường xuyên	TVPL theo vụ việc	TVPL theo hình thức khác				Tổng số	Trong đó: Nộp thuế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>265</b>	<b>51</b>	<b>6</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>154</b>	<b>3</b>	<b>83</b>	<b>68</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tổ chức hành nghề luật sư	265	51	6	30	12	3	0	154	3	83	68	4	0	56	0	0
Văn phòng Luật sư	265	51	6	30	12	3	0	154	3	83	68	4	0	56	0	0
Công ty Luật	0															
2. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*Handwritten signature*

## TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BÁN ĐẦU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Từ ngày 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Tổng số	Số lượng nhân sự (Người)	Chia ra		Số hợp đồng đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc bán đầu giá đã thực hiện (Cuộc)	Giá của tài sản bán đầu giá (Nghìn đồng)			Số tiền thu được (Nghìn đồng)			
		Dầu giá viên	Nhân viên khác			Trong đó: Số hợp đồng bán đầu giá thành	Tổng số cuộc bán đầu giá thành	Giá khởi điểm	Giá bán	Chênh lệch	Tổng số	Trong đó: Nộp ngân sách
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4												
<b>Tổng số</b>	<b>2</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>55</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>257.083.640</b>	<b>294.260.698</b>	<b>37.177.058</b>	<b>203.122</b>	<b>42.289</b>
1. Trung tâm DVBDGTS	1	8	3	5	54	39	39	251.583.640	288.710.698	37.127.058	197.572	39.514
2. Doanh nghiệp BDGTS	0											
3. Hội đồng BDGTS cấp huyện	1	1	0	4	1	1	1	5.500.000	5.550.000	50.000	5.550	2.775
4. Hội đồng BDGTS trong tương hợp đặc biệt	0		0									

Biểu số: 23b/BTP/BTTP/GDTP  
**SỐ NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2011 đến 30/9/2012  
 (Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

	Trong đó																						
	Số Giám định viên tư pháp											Số người giám định tư pháp theo vụ việc											
	Chia theo lĩnh vực											Chia theo lĩnh vực											
	Tổng số											Tổng số											
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tổng số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>I. Tổ chức giám định tư pháp</b>	3	15	4	3	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Trung tâm Pháp y	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phòng giám định pháp y	1	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Trung tâm giám định pháp y tâm thần	1	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phòng kỹ thuật hình sự	1	8	0	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Các tổ chức giám định tư pháp khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II. Tổ chức chuyên môn</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*(Handwritten signature)*

**SỐ VỤ VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

		Số vụ việc đã thực hiện giám định											Theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức			
		Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng														
Tổng số	Tổng số	Chia ra											Tổng số	Chia ra		
		Pháp y		Pháp y tâm thần	Kỹ thuật hình sự	Văn hóa chính kế toán	Tài chính kế toán	Xây dựng	Giao thông vận tải	Thông tin truyền thông	Nông, lâm nghiệp	Khác		Pháp y	Pháp y tâm thần	Kỹ thuật hình sự
		Tư thi	Khác													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
<b>A</b>																
Tổng số	246	246	132	0	114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>I. Tổ chức giám định tư pháp</b>	246	246	132	0	114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Trung tâm Pháp y	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phòng giám định pháp y	72	72	72	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Trung tâm giám định pháp y tâm thần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phòng kỹ thuật hình sự	174	174	60	0	114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Các tổ chức giám định tư pháp khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II. Tổ chức chuyên môn</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 24b/BTP/DKQGDBD

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM  
BẢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, TÀU BAY HOẶC TÀU BIỂN**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: đơn

	Đăng ký giao dịch bảo đảm	Chia ra					Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
		Đăng ký giao dịch bảo đảm	Đăng ký thay đổi	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm (nếu có)	Xóa đăng ký		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Số đơn thụ lý	0	0	0	0	0	0	
Số đơn được giải quyết	0	0	0	0	0	0	

Biểu số: 25p/BTP/DSKT/BTNN

## KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

	Số việc yêu cầu bồi thường (Vụ việc)									Số tiền yêu cầu bồi thường (Nghìn đồng)	Số tiền phải bồi thường cho người bị thiệt hại (Nghìn đồng)	Số tiền đã chi trả cho người bị thiệt hại (Nghìn đồng)
	Chia theo		Chia theo loại quyết định hành chính, hành vi hành chính									
	đôi tương											
	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Xử lý vi phạm hành chính	Phí, lệ phí	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép và các giấy tờ có giá trị như giấy phép	Đất đai	Khác	(9)	(10)	(11)	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
<b>I. Tổng số thụ lý</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
- Kỳ trước chuyển sang												
- Thụ lý mới trong kỳ												
<b>II. Kết quả giải quyết</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
- Xong												
- Đang giải quyết (chuyển sang kỳ sau)												

Biểu số: 26/BTP/DSKT/BTNN

**SỐ VỤ VIỆC YÊU CẦU XÁC ĐỊNH CƠ QUAN CÓ TRÁCH NHIỆM BỘI THƯỜNG**

Từ 01/10/2012 đến 31/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: vụ việc

Tổng số	Chia ra	
	Đã giải quyết xong	Đang giải quyết
(1)	(2)	(3)
0	0	0

